

Phụ lục 1

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
NĂM HỌC 2024-2025
Mẫu giáo 5-6 tuổi (Thời gian thực hiện 35 tuần)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
1	Trường Mầm non – Bé vui trung thu (3 tuần)	- Bé vui đón tết trung thu	1	9/9 - 13/9/2024
		- Lớp Mẫu giáo của bé	2	16/9 - 20/9/2024
		- Trường mầm non thân yêu	3	23/9 - 27/9/2024
2	Bản thân – Ngày hội 20/10 (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	4	30/10 - 4/10/2024
		- Cơ thể bé và bạn	5	7/10 - 11/10/2024
		- Bé cần gì để lớn lên và mạnh khỏe	6	14/10 -18/10/2024
3	Gia đình bé- Vui ngày hội cô giáo (5 tuần)	- Gia đình bé	7	21/10 - 25/10/2024
		- Ngôi nhà bé ở	8	28/10 -1/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	4/11 - 8/11/2024
		- Vui hội cô giáo	10	11/11 - 15/11/2024
		- Nhu cầu của gia đình	11	18/11 - 22/11/2024
4	Nghề nghiệp - Ngày TLQĐNDVN (4 tuần)	- Nghề phổ biến ở địa phương	12	25/11 - 29/11/2024
		- Nghề công nhân	13	2/12 - 6/12/2024
		- Nghề giúp đỡ cộng đồng	14	9/12 - 13/12/2024
		- Ngày tết của các chú bộ đội	15	16/12 - 20/12/2024
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 - 27/12/2024
		- Động vật sống dưới nước	17	30/12 - 3/1 /2025
		- Động vật sống trong rừng	18	6/1 - 10/1 /2025
		- Côn trùng và 1 số loài chim	19	13/1 - 17/1 /2025
6	Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Ngày 8/3 (6 tuần)	- Bé vui đón tết	20	20/1 - 24/1 /2025
		- Mùa xuân và những cây xanh	21	10/2 - 14/2 /2025
		- Một số loại rau- củ	22	17/2 - 21/2 /2025
		- Những bông hoa đẹp	23	24/2 - 28/2 /2025
		- Ngày 8/3	24	3/3 - 7/3/2025
		- Một số loại quả	25	10/3 - 14/3 /2025
7	PT và quy định PTGT (3 tuần)	- PT và QĐGT đường bộ, đường sắt	26	17/3 - 21 /3/2025
		- PT và QĐGT đường thủy, đường không	27	24/3 - 28/3 /2025
		- Thực hành quy định giao thông	28	31/3 - 4/4/2025
8	Nước và các HT TN (3 tuần)	- Sự kỳ diệu của nước	29	7/4 - 11/4/2025
		- Thứ tự các mùa trong năm.	30	14/4 - 18/4/2025
		- Các hiện tượng tự nhiên	31	21/4 - 25/4/2025
9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ - Trường tiểu học (4 tuần)	- Quê hương em	32	28/4 - 2/5/2025
		- Đất nước và Biển đảo Việt nam	33	5/5 - 9/5/2025
		- Bác Hồ kính yêu và mừng SN Bác.	34	12/5 - 16/5/2025
		- Trường tiểu học.	35	19/5 - 23/5/2025

KẾ HOẠCH
CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CS - GD TRẺ 5 – 6 TUỔI
NĂM HỌC 2024 -2025

I. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC VỆ SINH - DINH DƯỠNG

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1 Tổ chức bữa ăn <i>a.Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> <i>b. Chăm sóc bữa ăn</i>	+ Tổ chức cho trẻ ăn 1 bữa chính và một bữa phụ. + Thực đơn được thay đổi theo mùa, gồm có cơm, món mặn, món xào, canh , hoa quả tráng miệng. + Nước uống: Khoảng 1,6 -2.0 l/trẻ/ngày(kể cả trong thức ăn) - Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. mát về mùa hè * Trước khi ăn: - Chú ý giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa. - Trong khi ăn: Trong khi ăn cần tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, động viên, khuyến khích trẻ ăn hết khẩu phần, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn. + Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: Trong khi ăn cần chú ý đề phòng tránh hóc, sặc ở trẻ. + Sau khi ăn: Giáo viên nhắc trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, đánh răng, uống nước, đi vệ sinh.... - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, cốc uống nước,có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh . - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc	Ban giám hiệu, Giáo viên, nhân viên , cô nuôi, Phụ huynh	<i>BGH nhà trường có sự điều chỉnh sau khi nhận được ý kiến từ giáo viên , phụ huynh</i>

	chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
3.2 Tổ chức giấc ngủ	a. Trước khi trẻ ngủ - Trẻ biết cùng cô chuẩn bị phản ngủ, chiếu. - Trước khi trẻ ngủ, nhắc nhở trẻ đi vệ sinh, hướng dẫn trẻ lấy chăn, gối... * Trong khi ngủ: - Trong khi trẻ ngủ giáo viên trực để quan sát, phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra. C. Sau khi ngủ - Sau khi ngủ dậy, trẻ nào thức giấc trước cô cho dậy trước, tránh đánh thức cùng một lúc ảnh hưởng đến trẻ khác và sinh hoạt của lớp. Không nên đánh thức trẻ dậy sớm trước khi trẻ tự thức giấc vì dễ làm cho trẻ cáu kỉnh, mệt mỏi. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức, nhắc trẻ đi vệ sinh. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều	BGH, Giáo viên chủ nhiệm, cô nuôi	
3.3. Tổ chức vệ sinh a. Vệ sinh cô: b. Vệ sinh cá nhân trẻ	- Quần áo luôn gọn gàng, sạch sẽ - Thân thể sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, móng tay cắt ngắn. - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ + Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vệ sinh cho trẻ. + Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân đúng quy trình + Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: Hàng tuần GV lên lịch vs ít nhất 1 lần		

c) <i>Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i>	- Thực hiện nghiêm cách phòng chống dịch theo mùa của bộ y tế trong trường. + An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt - Có tủ thuốc tại nhà trường và có đủ các loại thuốc thông dụng. - Giáo viên dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ . Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ + An toàn tính mạng: - Không để xảy ra tai nạn và thất lạc trẻ - Sàn nhà vệ sinh khô ráo, tránh trơn trượt - Không cho trẻ tiếp xúc với người lạ mặt hoặc nhận quà từ người lạ. - Kịp thời Giải quyết những vấn đề về CSVN chưa đảm bảo an toàn để có biện pháp sửa chữa:		
4.Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Cô quan tâm gần gũi - Có đầy đủ hồ sơ trẻ khuyết tật, - Có kế hoạch và chăm sóc trẻ khuyết tật phù hợp theo từng dạng khuyết tật, theo dõi sự tiến bộ của trẻ.	BGH, giáo viên, phụ huynh	

II. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	+ Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng + Tập các bài tập thể dục thường xuyên + Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ + Cân đo và khám sức khỏe định kỳ: + Cân nặng: - Trẻ trai: 15.9-27.1kg - Trẻ gái: 15.3-27.8 kg + Chiều cao: - Trẻ trai: 106.1- 125.8cm - Trẻ gái: 104.9-125,4cm + Theo dõi trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Phối hợp với

	phụ huynh có biện pháp phù hợp.
MT2. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm và hiểu về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm: Phân loại thực phẩm thường dùng theo nhóm giá trị dinh dưỡng (4 nhóm)	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm. Nhóm giàu chất bột(gạo, ngô, khoai, sắn..), nhóm giàu chất đạm: (thịt, trứng, cá...). Nhóm giàu chất béo(dầu, mỡ, lạc, vừng....).....
MT3. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thức phẩm, món ăn(Thịt kho, cá sốt cà chua, rau luộc, rau xào, canh rau, thịt rim, trứng rán). - Trải nghiệm: <i>Bé làm đầu bếp</i>
MT4. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi cho sức khỏe.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ chất đủ lượng. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(sâu răng, suy dinh dưỡng.....).
MT5. Trẻ biết thực hiện một số việc đơn giản(Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng, đi vệ sinh, tự cởi và mặc quần áo) giữ gìn đầu tóc, quần áo gọn gàng	+ Tập luyện kỹ năng đánh răng + Thực hiện vệ sinh cá nhân rửa: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, súc miệng. + Sử dụng khăn mặt, cốc uống nước đúng cách + Chải tóc, vuốt tóc bù rối; Chỉnh lại quần áo khi bị xô lệch. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong biết dội, xả nước cho sạch. + Tự tháo tất, cởi quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định: <i>Dạy trẻ kỹ năng cởi, mặc quần áo; kỹ năng gấp quần áo.</i>
MT6. Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	+ Mời cô, mời bạn trước khi ăn, ăn từ tốn, không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. + Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
MT7. Trẻ thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh (VS) cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi: VS cá nhân hàng ngày mà không cần nhắc nhở và hỗ trợ; VS các đồ dùng chung trong gia đình và lớp học	+ Vệ sinh răng miệng(sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy), đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm + Che miệng khi ho, hắt hơi + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. + Phòng chống dịch bệnh theo mùa: Đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng, dung dịch sát khuẩn. - <i>Dạy trẻ đeo khẩu trang đúng cách.</i>
MT8. Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn)	+ Nhận biết và phòng tránh: - Những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: bàn là, phích nước nóng, phích điện, ổ cắm điện.. và những vật sắc nhọn. - Không chơi những nơi nguy hiểm: ao, hồ sông, bể chứa

MT9. Biết những nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	nước, giếng, hồ vôi , bụi rậm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần... - <i>Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước.</i> - <i>Tham quan bể bơi trường tiểu học.</i>
MT10. Trẻ nhận biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	+ Không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không tự lấy thuốc uống. + Biết: cười đùa khi ăn uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. + Ăn thức ăn ôi, thiu.....không tốt cho sức khỏe. + Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần người hút thuốc.
MT11. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ, Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	* Gọi người lớn khi gặp trường hợp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - <i>Dạy trẻ kỹ năng phòng chống cháy nổ.</i> + Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - <i>Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh khi bị xâm hại.</i>
MT12. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	+ Không tự ý ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi chưa được sự cho phép của người lớn, cô giáo: - <i>Dạy trẻ kỹ năng phòng chống bắt cóc trẻ.</i>
MT13. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	+ Sau giờ học về nhà, không tự ý đi chơi + Đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường phải có người dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy: - <i>Dạy trẻ an toàn khi ngồi trên xe máy</i> + Không leo trèo cây, ban công
MT14. Trẻ thực hiện được đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục.	+ Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(Kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân); Co duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp giơ tay lên cao, bước chân sang phải, sang trái. + Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau.
MT15. Trẻ biết giữ được thăng bằng bằng bằng khi thực hiện vận động: Đi, bước, đứng.	+ Bước lên ghế không mất thăng bằng. + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi liên tục trên ghế thể dục. + Đi trên ghế băng đầu đội túi + Đi trên dây đặt trên sàn. + Đi trên ván dốc(dài 2m, rộng 0,3, một đầu kê cao 0,3m) + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
MT16. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	+ Chạy liên tục với tốc độ chậm đều. + Phối hợp chân tay nhịp nhàng.

MT17. Kiểm soát được vận động: Đi, chạy.	+ Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi theo đường đích dắc (5 -6 điểm) + Chạy 18 m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 100-120m + Chạy liên tục 150m
MT 18. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyên, tung, ném, đập, bắt bóng	+ Đi, đập và bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. + Bắt và ném bóng với người đối diện(bắt được 03 lần liên không rơi với khoảng cách 4m). + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Tung bóng lên cao và bắt bóng + Lăn bóng và di chuyển theo bóng + Ném xa bằng 1 tay + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay + Ném trúng đích đứng bằng 2 tay + Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Chuyên bóng qua đầu, qua chân.
MT19. Thực hiện phối hợp các cơ quan trong cơ thể trong các vận động: Bò, trườn.	+ Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x30cm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m + Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m + Bò đích dắc qua 7 điểm + Trèo lên xuống 7 giống thang.
MT20. Thể hiện mạnh dạn, tự tin trong vận động: Bật, nhảy	+ Bật xa 40- 50 cm. + Bật liên tục vào vòng + Bật tách, khép chân qua 7 ô + Bật qua vật cản(cao 15-20cm + Nhảy xuống từ độ cao 40-45 cm. + Nhảy lò cò 5m
MT21. Trẻ biết phối hợp nhanh,nhẹn, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	+ Bò đích dắc (5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m); Bật xa 40cm - 50 cm; Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong vòng 10s.
MT22. Thực hiện được các vận động	+ Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
MT23. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động:	+ Các loại cử động bàn tay, ngón tay, cổ tay. + Bẻ, nắn. + Lấp ráp + Xé, cắt đường vòng cung, cắt theo đường viền của hình vẽ. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Sử dụng kéo, bút. + Tô, đồ theo nét. + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Xếp chồng 15-12 khối theo mẫu. + Cài, cởi cúc áo, kéo khóa(phéc mơ tuya, xâu, luồn, buộc dây).

MT24. Tham gia học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	+ Tham gia hoạt động tích cực. + Không có biểu hiện mệt mỏi, ngáp, ngủ gật....
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học MT25. Tò mò tìm tòi, thích khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng như: Tại sao có mưa?...	+ Đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới. + Hay hỏi về những thay đổi. + Một số hiện tượng : mây mưa, sấm chớp ..
MT26. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.	+ Gọi tên các con vật, cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 hoặc 4 con vật hoặc cây. + Đặt tên cho nhóm những con, cây bằng từ khái quát.
MT 27. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quảvà thảo luận về đặc điểm của đối tượng. Nói tên 1 số con vật, 1 số loại quả, đồ dùng gia đình(bàn, ghế) 1 số PTGT bằng tiếng anh.	- Một số loại rau - Một số loại hoa, quả. - Một số con vật quen thuộc. - Một số phương tiện giao thông. - Đồ dùng gia đình, đồ dùng trường mầm non. - Đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Một số nguồn nước. - Làm quen 1 số đồ dùng học tập ở trường tiểu học. - Tham quan trường tiểu học. + Đồ dùng gia đình: Table (bàn); Chair (ghế) ; Window (cửa sổ); Door(cửa) - Một số loại quả: apple (Quả táo), banana (quả chuối), orange (quả cam),... - Một số con vật quen thuộc: Horse (con ngựa); Sheep (con cừu);Cow (con bò); Bird(con chim) - Duck (con vịt); Cat (con mèo) Dog (con chó); Donkey (con lừa) - Một số phương tiện giao thông: Truck (xe tải); Airplane (máy bay);Bus (xe buýt); Train (xe lửa); Car (ô tô); Taxi (xe tắc xi); Bike (xe đạp) - Motorbike (xe máy); Boat (thuyền) - Màu sắc: White (trắng); blu (xanh dương); black (đen); red (đỏ); pink (hồng); green (xanh lá); orange (cam); yellow (vàng); purple (hồng)...
MT28. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. - Nói được tên 1 số hiện tượng tự nhiên bằng tiếng anh	+ Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây con) thể hiện trên tranh ảnh. + Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. + Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên. + Một số hiện tượng tự nhiên. -Star (Ngôi sao); Sunny (nắng); Rainny (mưa); Windy (gió); Snowy (tuyết); Cloudy (mây)

MT29. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	+ Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của các mùa: - Thứ tự các mùa trong năm. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Nêu được khác biệt cơ bản giữa 2 mùa hè - đông.
MT30. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản, sắp xảy ra.	+ Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo + Giải thích dự đoán của mình.
MT31: Biết chức năng của các giác quan và 1 số bộ phận khác của cơ thể. Biết nhu cầu của bản thân. -Gọi tên 1 số giác quan và bộ phận trên cơ thể bằng tiếng anh.	+ Nhận biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể): Cơ thể bé và bạn. + Nhu cầu của bản thân.(Cần gì lớn lên và khỏe mạnh) - Hand (tay), Foot (chân), nose (mũi); eye (mắt), ear (tai), belly (bụng), back (lưng)
MT32. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	+Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây. Cây được tưới nước, không được tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển. +Pha màu nước, pha đường, muối. Chất tan, không tan.
MT 33. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	+ Phân loại: đồ dùng đồ chơi, một số phương tiện giao thông, cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng trong gia đình - Một số loại hoa, loại quả... - Cây xanh - Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước... - Một số phương tiện giao thông .
MT34. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Giải thích được một số mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	+ Quan sát, giải thích mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước + Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. + Giải thích bằng mẫu câu “tại vì..”, “nên..” + Thử nghiệm Nước bốc hơi(Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi)
MT35. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	+ Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau : Làm sao con mở được cái hộp này
MT36. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số đồ dùng, đồ chơi: - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng trong gia đình + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số con vật, cây, hoa, quả: - Một số loại rau

	- Một số loại hoa, quả. - Cây xanh - Một số con vật quen thuộc. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm + Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng trong nhóm so với những cái khác. + Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó.
Khám phá xã hội	
MT 37. Trẻ tự tin giới thiệu đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân và công việc của người thân trong gia đình, khi được hỏi, trò chuyện . Nói được địa chỉ, nhu cầu gia đình mình.. Trẻ giới thiệu được tên, tuổi , địa chỉ gia đình bằng tiếng anh.	+ Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích, nhu cầu của bản thân: Bé tự giới thiệu về mình + Họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình và công việc của họ: Gia đình bé + Địa chỉ gia đình(Ngôi nhà bé ở) + Nhu cầu gia đình
MT38. Nói được tên và địa chỉ trường, lớp, một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	+ Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác trong trường: Lớp học của bé; Trường mầm non thân yêu. + Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT39. Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề phổ biến.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Nghề làm ruộng; bác sỹ; cô giáo;Thợ xây..) - <i>Thăm quan cánh đồng (lúa, ngô, lạc..)</i>
MT40. Kể tên một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	+ Kể, trả lời được câu hỏi của người lớn về những địa điểm vui chơi công cộng, trường học, nơi mua sắm, khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến .
MT41. Kể tên và nêu một vài nét của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của Quê hương -Đất nước.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương, Quê hương- Đất nước: - Kể tên nhận biết 1 số đặc điểm nổi bật về quê hương Diên Phúc: Di tích văn hóa phi vật thể Họ Trần Đức Lương- ở thôn Yên Xuân, , Đình làng ở thôn Tràng Thân; Diễn Châu, nghệ An với những địa danh: Đền An Dương Vương, Hồ Xuân Dương, Sông Bùng, Lèn Hai Vai, Quê Bác Hồ, quảng trường Hồ Chí Minh.... : - <i>Tham quan Di tích văn hóa phi vật thể Họ Trần Đức Lương- ở Thôn Yên Xuân, Đình Làng ở Thôn Tràng Thân; Viếng Nghĩa trang liệt sỹ xã.</i>
MT42. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội; biết cùng cô tổ chức một số hoạt động đón chào các ngày lễ hội trong năm	+ Nhận biết các hoạt động trong ngày hội trong trường mầm non và lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, ngày 22/12, Noel, ngày tết nguyên đán, ngày 8/3 và Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5. *Trải nghiệm:

	+ Bé yêu chú bộ đội; Làm quà tặng chú bộ đội; Làm bưu thiếp tặng chú bộ đội; Làm súng bằng tàu chuối. + Trang trí ngày tết.... + Làm đèn trung thu + Trải nghiệm làm thiệp, gói quà tặng cô, tặng mẹ + Làm túi tặng bà, mẹ, cô + Làm câu đối tết, thiệp chúc mừng... + Bé vui hội xuân(Gói bánh chưng, thiệp chúc mừng, làm câu đối, bày mâm ngũ quả....)
Làm quen với toán	
MT43. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng; so sánh đối tượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả:bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Trẻ đếm được từ 1 đến 10 bằng tiếng anh.	- Ôn số lượng trong phạm vi 5. Nhận biết chữ số 5 -Trẻ biết đếm số 6, nhận biết các nhóm có 6 đối tượng và nhận biết chữ số 6. -Trẻ biết đếm số 7, nhận biết các nhóm có 7 đối tượng và nhận biết chữ số 7. -Trẻ biết đếm số 8, nhận biết các nhóm có 8 đối tượng và nhận biết chữ số 8. -Trẻ biết đếm số 9, nhận biết các nhóm có 9 đối tượng và nhận biết chữ số 9. -Trẻ biết đếm số 10, nhận biết các nhóm có 10 đối tượng và nhận biết chữ số 10 - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 6, tạo nhóm có số lượng 6. - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 7, tạo nhóm có số lượng 7. - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 8, tạo nhóm có số lượng 8 - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 9, tạo nhóm có số lượng 9. - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10, tạo nhóm có số lượng 10
MT44. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm; tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	- Trẻ biết gộp/ tách 6 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm. - Trẻ biết gộp/tách 7 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm. - Trẻ biết gộp/tách 8 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm. - Trẻ biết gộp/ tách 9 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm. - Trẻ biết gộp/ tách 10 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm.
MT45. Trẻ nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	+ Nhận biết các chữ số trong phạm vi 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.

MT46. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc .	+ Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan + So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp theo quy tắc. + Tạo ra quy tắc sắp xếp
MT47. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	+ Đo độ dài 1 vật bằng đơn vị đo khác nhau + Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT48. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối (khối cầu-khối trụ, khối vuông khối chữ nhật)	+ Nhận biết, gọi tên khối cầu- khối trụ; Khối vuông- khối chữ nhật + Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
MT49. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT50. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	+ Xác định vị trí của đồ vật :Phía trước - phía sau; Phía trên - phía dưới; phía phải- phía trái so với bạn thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT51. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	+ Gọi tên các thứ trong tuần. + Thứ tự các mùa trong năm.
MT52. Phân biệt hôm qua, hôm nay và ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	+ Phân biệt hôm qua, hôm nay và ngày mai.
MT53. Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.	+ Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. + Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ(2 giờ, 3 giờ,...).
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT54. Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng.....	+ Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/ thực vật/ động vật, PTGT + Các từ khái quát: Động vật, thực vật, PTGT, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập: + Thực vật: Hoa, quả, rau, cây + Đồ dùng trong gia đình: bàn, ghế, giường, ấm điện, tủ lạnh, .. + Động vật: Trâu, bò, lợn, Chó, voi, sư tử; tôm, cá... + PTGT: Ô tô, xe máy,
MT55. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh.	+ Nghe, sử dụng được các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động phù hợp với ngữ cảnh + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT56. Trẻ biết kể chuyện sáng tạo theo tranh, đồ vật, đồ chơi và kinh nghiệm của bản thân	+ Kể chuyện sáng tạo.
MT57. Sử dụng được các từ: “Cảm ơn, xin lỗi”, “Xin phép”, “Vâng ”; “Dạ”; “Thưa”...phù hợp với tình huống.	+ Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT58. Trẻ nhận ra được sắc thái	+ Nhận ra cảm xúc vui buồn, âu yếm, ngạc nhiên, sợ hãi,

biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	tức giận của người khác. + Thể hiện cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói
MT59. Trẻ biết Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động.	+ Thực hiện 2-3 yêu cầu của giáo viên
MT60. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. Đóng vai các nhân vật trong truyện...	*Trường MN – Bé vui trung thu Ngày đầu đến lớp, mời bạn đến nhà,thỏ trắng biết lỗi(Phùng Kim Liên), bài học đầu năm, mèo con và quyển sách(Trần Thị Thu), món quà của cô giáo, ai quan trọng nhất, sự tích chú cuội cung trăng; * Bản thân: Truyện: Mỗi người mỗi việc(Lê Thị Thu Hương), cái mồm(Phùng Thành Chung, cháu rất nhớ bạn, câu chuyện của tay trái, tay phải(Lý Thị Minh Hà), chuyện của dê con, đôi tai xấu xí, cái đuôi của sóc nâu, giấc mơ kỳ lạ, cháu rất nhớ bạn ấy. * Gia đình – Vui hội cô giáo Truyện: Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu), ba cô gái (Thu Thủy), bàn tay có nụ hôn(Thanh Nga), hai anh em, cây gia đình của cóc nâu, hai anh em gà con. * Nghành nghề- Ngày thành lập QĐNDVN. * Truyện: Quả dưa hấu, thần sắt, cây rau của thỏ út, ba anh em (truyện cổ Grim), ba chú lợn. * Động vật Truyện: Chú dê đen(Nhà xuất bản giáo dục), truyện của dê con, dê con nhanh trí, mèo lại hoàn mèo (truyện ngụ ngôn Việt Nam), cá câu vòng(Cẩm Bích), con gà trống kiêu căng (Trần Thị Ngọc trâm), ai đáng khen nhiều hơn, quả trứng của ai, cuộc thi bơi của tôm cua cá, cá diếc con, bác sỹ chim; * Thực vật – Tết và mùa xuân-Ngày 8-3 Truyện: Quả bầu tiên (Kim Tuyền), cây tre trăm đốt (Phong theo truyện cổ tích), sự tích hoa hồng (Theo báo hoa hồng), hoa bìm bịp. sự tích bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích việt nam), sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi), cây rau của thỏ út, chiếc áo mùa xuân (Phương Anh), chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân) * Quy định và PTGT Truyện: Một phen sợ hãi(Phạm Minh Thư), kiến con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi), những tám biển biết nói, thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh), qua đường (T.H), vì sao thỏ cụt đuôi(Phạm Hoàng Yến), những tám biển biết nói (Nguyễn Đức) * Nước và các hiện tượng tự nhiên: Truyện: Sự tích ngày và đêm, sơn tinh, thủy tinh(Phong theo truyện cổ tích việt nam), con vật bị rơi xuống nước, giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh), nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh), chú bé giọt nước, cô con út của ông mặt trời

	(Thu Hưởng) * Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - Trường TH Truyện: Sự tích Hồ gương (Phỏng theo truyền thuyết sự tích hồ gương), quả táo, niềm vui bất ngờ (Nhà xuất bản kim đồng), thánh gióng (Phỏng theo truyện cổ tích việt nam), sơn tinh thủy tinh, mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu) - Đóng kịch: Đóng vai các nhân vật trong chuyện theo lời dẫn chuyện.
MT61. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	* Trường MN – Bé vui trung thu Thơ: Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), bàn tay cô giáo (Định Hải), cô giáo, bập bênh (Lê Thị Hiền), gà học chữ (Phạm Trung Hiếu), làm quen chữ số (Vương Trọng), tay ngoan (Võ Thị Như Chơn), trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa), bé học toán (Phan Thị Thu Huyền), tình bạn (Trần Thị Hương), mùa thu sang (Trần Đăng Khoa), chơi ú tím (Phạm Hồ), bạn mới. * Bản thân: Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương), em vẽ (Gia Lai), xòe tay (Phong Thu), bé chẳng sợ tiêm, tay ngoan (Võ Thị Như chơn), lời bé (Nguyễn Văn Bình), mẹ của em (Trần Quang Vinh), những con mắt (Trường mầm non tuổi thơ). * Gia đình – Vui hội cô giáo Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn), giữa vòng gió thơm (Quang Huy), ngôi nhà, mẹ của em (Trần Quang Vinh), quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳ), ông cháu nhà vịt (Trần Minh), cô giáo của con. * Ngành nghề- Ngày thành lập QĐNDVN. Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương), Làm bác sỹ (Lê Ngân), hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa), chiếc cầu mới (Thái hoàng Linh), cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), ước mơ của tỳ (Lưu Thị Ngọc Lễ), làm bác sỹ, bát cơm ngày mùa (Nguyễn Thị Thảo). * Động vật Mèo đi câu cá (Thái hoàng Linh), gà nở (Phạm Hồ), gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy Ché), con chim chiến chiến (Huy Cận), mèo đi câu cá (Thái Thùy Linh), nàng tiên ốc (Phan Thị Thanh Nhàn), chú bò tìm bạn, bó hoa tặng cô (Ngô Quân Miện) * Thực vật – Tết và mùa xuân- Ngày 8-3 Hoa kết trái (Thu Hà), hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương), hoa đào (Mai Văn Hải), ăn quả (Hồng Thu), cây đào, giàn gấc (Đăng Vương Hưng), mùa xuân (Trần Đăng Khoa), lời chào của hoa. Nụ hồng 8/3, ngày 8/3 của bé (NLp Trinh) * Quy định và PTGT Chúng em chơi giao thông (Ngô Tô Hải), bé và mẹ (Lương Thị Xiêm), chú cảnh sát giao thông (Hương Mai), cháu dắt tay cô (Bùi Thị Tình), cháu dắt tay ông (Nguyễn

	Phan Khuê), đàn Kiên nó đi(Hương Mai); tiếng còi tàu, cô dạy con(Bùi Thị Tình), giúp bà (Hoàng Thị Phảng). * Nước và hiện tượng tự nhiên: Mùa hè của em(Tuyết Hoa), mưa (Trần Đăng Khoa), cầu vồng(Phạm Hồ), nắng bốn mùa(Mai Anh Đức), gió, bình minh trong vườn, mưa rơi (Xuân Quỳnh), ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền), mùa xuân, trăng ơi từ đâu đến, trưa hè, * Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - TTH Gà tơ đi học, Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), ảnh Bác(Trần Đăng Khoa), quê em, quê em vùng biển, về quê (Nguyễn Thắng); * Đồng dao, ca dao: Chi chi chành chành, rông rần lên mây, thả đĩa ba ba, xĩa cá mè đê cá chép, nu na nu nống, dung dăng dung dẻ, em tôi buồn ngủ buồn ghê, cái cò đi đón cơn mưa mười hai tháng gio....
MT62. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	+ Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh trong giao tiếp hàng ngày. + Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. + Trả lời và đặt câu hỏi.
MT63. Biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	+ Sử dụng đúng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với tình huống giao tiếp.
MT64. Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	+ Dễ dàng sử dụng lời nói cử chỉ một cách phù hợp để diễn đạt cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm bản thân. + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
MT65. Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	+ Trao đổi bằng lời nói, đề xuất trong các cuộc chơi. Hướng dẫn và giải quyết vấn đề + Hợp tác với bạn trong quá trình chơi
MT66. Biết kể về một số việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.	+ Miêu tả hay kể rõ ràng mạch lạc hay trình tự lô rích nhất định về một sự vật và hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy + Chú ý đến thái độ của người nghe để kể chậm lại, nhắc lại hay giải thích lại lời kể của mình khi người nghe chưa rõ.
MT67. Biết Cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	+ Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau + Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển
MT68. Biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	+ Lắng nghe và nhìn vào mắt người khác nói. + Trả lời câu hỏi bằng điệu bộ, cử chỉ, nét mặt.
MT69. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	+ Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt + Không nói chen vào khi người khác đang nói. Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe hoặc đặt được câu hỏi và nêu ý kiến của mình khi họ nói xong.
MT70. Biết hỏi lại hoặc có những	+ Dùng câu hỏi để hỏi lại, dùng cử chỉ để biểu hiện cái

biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	chưa hiểu
MT71. Không nói tục chửi bậy.	+ Dạy trẻ cách giao tiếp lễ phép không nói tục, chửi bậy hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.
MT72. Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt	+ Nhận dạng và phát âm 29 chữ cái viết thường, viết hoa: làm quen chữ cái o, ô, ơ; a, ă, â;.... + Phân biệt được chữ số chữ cái . + Trò chơi chữ cái: o, ô, ơ; a, ă, â;....
MT73. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình; biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình.	+ Tô đồ các nét chữ. + Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình + Nhận ra tên của mình, tên đồ dùng cá nhân theo tranh vẽ + Sau khi vẽ tranh biết “viết” tên của mình
MT74. Thích đọc những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh.	+ Thích tìm kiếm những chữ đã biết ở sách, truyện, biểu bảng... Chỉ và đọc những chữ có ở môi trường xung quanh. + Thích tham gia các hoạt động nghe cô đọc sách hỏi người lớn và bạn bè những gì chưa biết.
MT75. Thể hiện sự thích thú với sách. Có hành vi đúng khi sử dụng sách và các đồ dùng để viết; Cầm sách, cầm bút, giở sách đúng cách.	+ Bày tỏ ý tưởng của mình khi làm sản phẩm... + Tìm sách, xem sách, “đọc” sách. + Giở cẩn thận từng trang khi xem: Cầm đúng chiều, mở từ trang bìa, lật sách, chỉ vào chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; biết cách viết chữ theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; Để sách, bút đúng nơi quy định, không vẽ bậy, làm nhàu, nhàu, hỏng sách + Biết cấu tạo của sách quen thuộc + Cầm bút viết và ngồi viết đúng cách + Sao chép các từ theo các trật tự cố định trong các hoạt động + Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau để biểu đạt ý tưởng của mình cho người khác hiểu.
MT76. “Đọc” theo truyện tranh đã biết.	+ Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa và đọc thành tiếng theo trí nhớ để đọc thành một câu chuyện có nội dung phù hợp với từng tranh minh họa.
MT77. Trẻ biết kể chuyện sáng tạo theo tranh, đồ vật, đồ chơi và kinh nghiệm của bản thân	+ Các bức tranh câu truyện, đồ chơi, đồ vật : sắp xếp theo trình tự một số tranh liên hoàn khoảng 4-5 tranh, đồ chơi, đồ vật có nội dung rõ ràng, gần gũi phù hợp với nhận thức của trẻ.
MT78. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	+ Hiểu và dùng tranh ảnh, chữ viết, số ký hiệu. Để thể hiện sự mong muốn truyền đạt.
MT79. Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân.	+ Tự mình viết ra, tạo ra những hình mẫu, biểu tượng, những hình mẫu ký tự...có sáng tạo để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn kinh nghiệm của bản thân. + Đọc lại những ý mình đã viết ra
MT80. Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	+ Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ....

Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT81. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	+ Tên tuổi, giới tính của bạn thân, điểm giống nhau và khác nhau của mình với người khác. + Vị trí và trách nhiệm của bạn thân trong gia đình và lớp học. + Địa chỉ nhà, số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố, mẹ.
MT82. Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	+ Chọn và giải thích được lí do, chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa)
MT83. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được .	+ Nói điều bé thích, không thích, kể được những việc mà mình có thể làm được không thể làm được và giải thích được lí do.
MT84. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn.	+ Nói mình có điểm giống khác bạn về dáng vẻ bề ngoài, giới tính, sở thích và khả năng
MT85. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bạn thân.	+ Nên hoặc chọn lựa các trò chơi, hoạt động mà mình thích.
MT86. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...).	+ Hoàn thành công việc được người lớn giao như trực nhật: chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi..
MT87. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	+ Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu: - Khi làm xong 1 sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cất cẩn thận sản phẩm.
MT88. Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày.	+ Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi). + Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động
MT89. Mạnh dạn nói ý kiến của bạn thân.	+ Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
MT90. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, giọng nói của người khác)	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT91. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	+ Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT92. Thể hiện sự quan tâm, đồng cảm đến mọi người xung quanh	+ Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác (an ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ; chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật ...) - <i>Dạy trẻ KN: Bé nói lời yêu thương.</i>
MT93. Thay đổi hành vi và thể	+ Nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị

hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	ôm. + Giữ thái độ chú ý trong giờ học.
MT94. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	+ Trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc...) với sự giúp đỡ của người lớn. + Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bạn thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.
MT95. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, các địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ
MT96. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, xem tranh ảnh cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ: Bài thơ “Bác Hồ của em”, buổi sáng quê nội (Nguyễn Lãm Thắng), hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao), bác thăm nhà cháu, chuyện “Quả táo của Bác Hồ, niềm vui bất ngờ (Theo Cuốn Bác Hồ Kính Yêu). + Bài hát: Như có Bác Hồ, ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh, nhớ giọng hát Bác Hồ,.....
MT97. Trẻ biết một vài cảnh đẹp và di tích lịch sử, lễ hội và vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	+ Nhận biết một vài cảnh đẹp các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, lễ hội của quê hương, đất nước: Chùa Cổ Am, quảng trường HCM, quê Bác..., lễ hội Đền Công, lễ hội Làng Sen...
MT98. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	+ Cất đồ chơi vào nơi quy định sau khi chơi. - Dạy trẻ KN: <i>Lấy cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định.</i> + Không làm ồn nơi công cộng + Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép + Một số quy định giao thông + <i>Trải nghiệm: Bé với ATGT; Bé làm chú cảnh sát.</i>
MT99. Dễ hòa động với bạn bè trong nhóm chơi.	+ Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. + Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. + Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
MT100. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	+ Giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi
MT101. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.	+ Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn bè.
MT102. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn	+ Chủ động giúp đỡ khi thấy người khác, bạn cần sự trợ giúp. + Sẵn sàng, nhiệt tình khi nhìn thấy bạn hoặc người khác cần sự giúp đỡ hoặc khi người lớn yêu cầu.
MT103. Có nhóm bạn chơi thường xuyên.	+ Thích và hay chơi theo nhóm bạn. + Chơi đoàn kết, thân thiện, chơi thường xuyên, hợp tác để tạo thành nhóm.
MT104. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác,	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.

biết chờ đến lượt.	+ Tôn trọng hợp tác, chấp nhận. + Biết chờ đến lượt.
MT105. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè .	+ Chơi với bạn vui vẻ, thể hiện sự đoàn kết với bạn bè trong các hoạt động. + Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn.
MT106. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	+ Chấp hành và thực hiện sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng, vui vẻ. + Thực hiện nhiệm vụ với thái độ sẵn sàng vui vẻ.
MT107. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	+ Chủ động bắt tay vào công việc cùng với bạn. + Phối hợp với bạn để hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.
MT108. Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác .	+ Nhận biết được một số việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (khi chơi , ngủ, trong các hoạt động....) + Giải thích hành vi của mình sẽ gây người khác phản ứng như thế nào.
MT109. Trẻ có thói quen chào hỏi,cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. Trẻ biết chào , cảm ơn bằng tiếng anh.	+ Thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. + Cảm ơn, xin lỗi - <i>Dạy trẻ kỹ năng: Chào hỏi, thưa dạ, xin phép, xin lỗi, cảm ơn</i> + Hello/hi! (xin chào), good morning! (chào buổi sáng), googbye/ bye bye (tạm biệt nhé)
MT110. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn	+ Giải quyết mâu thuẫn : Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn
MT111. Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	+ Đề nghị sự giúp đỡ của người cô, các bạn ... + Trình bày đề người khác giúp đỡ.
MT112. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối MT và có hành vi bảo vệ môi trường	+ Nhận ra một số hành vi đúng hoặc sai của bản thân, của bạn đối MT. + Thể hiện thái độ với những hành vi sai qua hoạt động tạo hình, âm nhạc, trò chơi. + Bỏ rác đúng nơi qui định, cất đồ chơi đúng nơi quy định, sắp xếp đồ chơi gọn gàng: <i>Cùng bé phân loại rác</i> + Sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt.
MT113. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	+ Nhận ra và có ý kiến về sự không công bằng giữa các bạn(thể hiện bằng lời nói, hành động về sự công bằng trong nhóm bạn bè). + Có ý thức xử sự công bằng với bạn bè trong
MT114. Thực hiện một công việc theo cách riêng của mình.	+ Không bắt chước và có những biểu hiện khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. + Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác với các bạn. + Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.
MT115. Thể hiện ý tưởng của bạn thân thông qua các hoạt động khác nhau.	+ Khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. + xây dựng các công trình từ những khối xây dựng khác nhau. + Có những vận động minh họa/ múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.....

MT116. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc, không bẻ cành, bứt hoa. Bỏ rác đúng nơi quy định. Tiết kiệm trong sinh hoạt.	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối: - <i>Trải nghiệm làm vườn</i> + Giữ gìn vệ sinh môi trường: - <i>Cùng bé phân loại rác.</i> + Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu” + Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa.
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT117. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	+ Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc, bắt chước âm thanh và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT118. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp .	+ Thích thú reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. + Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu. + Nâng niu một bông hoa, 1 cây non...
MT119. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc nhận ra giai điệu của bài hát, bản nhạc .	*Trường MN - Bé vui trung thu - Nghe hát: Ngày đầu tiên đi học(Nguyễn Ngọc Thiện); Bài ca đi học (Phan Trần Bảng); Em yêu trường em (Hoàng Vân); Đi học (Bùi Đình Thảo). - Chủ đề bản thân - Nghe hát: Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Nắm tay thân thiết (Hàn Quốc); Ru con, Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo); Bà thương em (Bùi Đình Thảo) * Gia đình – Vui hội hội cô giáo - Nghe hát: Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên); Lời ru trên nường (Trần Hoàn); Tổ ấm gia đình; Mừng tuổi mẹ; Cho con (Trọng Lâm); Cô giáo mầm non, Cô nuôi dạy trẻ; Cô giáo về bản. * Ngành nghề- Ngày thành lập QĐNDVN - Nghe hát: Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý); Lời ru trên nường (Trần Hoàn); Hạt gạo làng ta (Trần Viết Bình); Xe chỉ luân kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Anh phi công ơi (Xuân Giao); Đi cấy (Dân ca quan họ Bắc Ninh) * Động vật Nghe hát: Em như chim bồ câu trắng (Trần ngọc); Lý hoài Nam (dân ca Quảng Trị); Lợn tròn lợn khéo; Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm Tuyên); Chim bay (dân ca liên khu V); Con chim vành khuyên nhỏ (Hoàng Vân); Đuổi chim (Dân ca Nam bộ); Tôm, cua, cá thi tài (Hoàng Thị Dinh); * Thực vật – Tết và mùa xuân- Ngày 8/3. Nghe hát: Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Mùa xuân nho nhỏ; Cây trúc xinh (Dân ca Bắc Ninh); Lý chiều chiều

- Nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh	(Dân ca); Hoa thơm bướm lượn (dân ca); Chúc xuân; Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Bông hoa mừng cô; Ngày vui 8/3. * Quy đình và PTGT Nghe hát: Bài ca cảnh sát giao thông, Bạn ơi có biết; Anh phi công ơi (Xuân Giao); Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca Bắc Ninh); Gửi anh một khúc dân ca (Dân ca Nam bộ). * Nước và hiện tượng tự nhiên Nghe hát: Tia nắng hạt mưa; Mùa hè chia tay; Mưa rơi (Dân ca Tây bắc); Bèo dạt mây trôi (Dân ca Bắc Ninh); Ngày mùa (Văn Cao). *Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- Trường tiểu học Nghe hát: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lê); Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo); Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh; Em nhớ tây nguyên (Văn Tấn - Trần Quang Huy); Trái đất này là của chúng mình (Trương quang Lục); Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long- Hoàng Lê); Quê em (Nguyễn Đức Toàn). + Nghe đọc thơ, đồng giao ca dao, thích nghe và kể câu chuyện trong các chủ đề. + Trẻ nghe các bài hát bằng tiếng anh thông qua băng đĩa trong các giờ đón, trả trẻ + Nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh: Chúc mừng năm mới(Happy New Year), Body parts (các bộ phận của cơ thể, Happy birthday (chúc mừng sinh nhật, The numbers (những con số),....
MT120. Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ; biết vận động nhịp nhàng, phù hợp bằng các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa minh họa) Hát được 1 số bài hát đơn giản bằng tiếng anh.	* Trường MN – Bé vui trung thu: Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yên); Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên); Vườn trường màu thu(Cao Minh Khanh); Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mẫn); Bàn tay cô giáo (Nhạc:Phạm Tuyên -Lời:Đinh Hải); Rước đèn dưới trăng(Phạm Tuyên; Gác Trăng (Nhạc:Hoàng Văn Yên. Lời: Nguyễn Trí Tâm); Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch) * Bản thân: Cái mũi (Nhạc:Nước ngoài.Lời:Lê Đức-Thu Hiền), Càng lớn càng ngoan; Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Khuôn mặt cười (Nhạc:Hàn Quốc); Đường và chân (Nhạc:Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu; Tôi bị ốm; Gà gáy vang dậy bạn ơi (Văn Dung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Cùng đi đều; Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo); * Gia đình – Vui hội cô giáo Múa cho mẹ xem (Xuân Giao); Ông cháu(Phong Nhã); Bé chăm quét nhà (Hà Đức Hậu); Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn); Bà còng (Phạm Tuyên); Nhà của tôi (Chu Hiền); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lê); cô giáo.

- Biểu diễn :

*** Ngành nghề- Ngày thành lập QĐNDVN**

Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yên); Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu); Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yên); Chú bộ đội đi xa;

*** Động vật**

Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn); Cá vàng bơi (Hà Hải); Chú voi con (Phạm Tuyên); Vật nuôi (Nhạc:Anh.Dịch:Đào Ngọc Dung); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Chim chích bông (Nhạc:Văn Dung - Lời Nguyễn Viết Bình; Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mân); Đố bạn (Hong Ngọc); Voi làm xiếc; Chú voi con ở bản Đôn (Phạm Tuyên);

*** Thực vật – Tết và mùa xuân- Ngày vui 8-3.**

Quả(Xanh xanh); Bầu và bí (Nhạc: Phạm Tuyên. Lời: Dân ca cổ); Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Màu hoa (Hong Đăng); Mùa xuân (Hoàng Văn Yên); Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yên); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Lá xanh (Thái Cơ); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); (Hoàng văn Yên); Sắp đến tết rồi(Hoàng Văn); Cùng múa hát mừng xuân(Hoàng Hà). Ngày vui 8-3, bông hoa mừng cô.

*** Quy định và PTGT**

Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường); Đèn đỏ đèn xanh (Nhạc:luong Vinh.Thơ: Thế hội); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yên; Đường em đi (Ngô Quốc Tính); Lái máy bay (Xuân Giao); Đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh).

*** Nước và hiện tượng tự nhiên:**

- Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Ánh trăng hòa bình (Nhạc: Hồ Bắc. Lời Mộng Lân); Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai).

*** Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - TTH**

Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Phúc.Lời:Tạ Hữu Yên); Nhớ ơn Bác(Phan Huỳnh Điểu; Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Yêu Hà Nội (Bảo Trọng); Dâng hoa lên ông và Bác (Phạm Thị Sửu); Múa với bạn tây nguyên (Phạm Tuyên); Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Lân).

+ Hát được 1 số bài hát tiếng anh đơn giản:

- Happy Birthday (Chúc mừng sinh nhật)

- Head shoulder knee and toes song (bài hát về đầu ,vai ,đầu gối và ngón chân)

- School things song (bài hát về đồ vật ở trường học)

- I like animals (tôi yêu động vật)

	- Animals sound song (bài hát về tiếng của động vật) - If you are happy song (bài hát nếu bạn vui vẻ) - Feelings song (bài hát về cảm xúc) - One two three song (bài hát 1,2 ,3) - Pencil song (bài hát về bút chì) - Let's go kids (các bé hãy đi nào) - Transportation song (bài hát về phương tiện GT) - Claps your hand (vỗ tay) - How's the weather ? (thời tiết như thế nào)
MT121. Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	+ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. + Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
MT122. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.	+ Thay một từ hoặc một cụm từ của một bài hát (VD: Bài hát “mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “ Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”
MT123. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	- Trang trí bưu thiếp ngày tết. - Trang trí rèm cửa lớp học. - Làm hình người từ các nguyên vật liệu thiên nhiên. - Làm đồ dùng trong gia đình bằng các nguyên vật liệu thiên nhiên. - Trang trí khăn quàng cổ; - Tạo hình rau, củ , quả; - Làm các con vật từ thiên nhiên. - Bồi các con vật bằng len cát, gạo - Tạo hoa từ dầu vôi tay. - Bồi các loại hoa - Làm hoa, quả từ các nguyên vật liệu thiên nhiên. - Làm đèn giao thông, các biển báo giao thông. - Làm các phương tiện giao thông từ các nguyên vật liệu thiên nhiên. - Làm búp bê bằng rơm. - Làm tranh gia đình của bé. - Gấp quạt giấy. - Làm đồ dùng, dụng cụ của chú bộ đội. - Làm dụng cụ nghề nông, xây dựng. - Làm thiệp chúc mừng ngày 8/3. - Gấp máy bay. - Gấp thuyền. - Làm phao bơi. - Làm chong chóng từ lá dừa - Trang trí khung ảnh Bác Hồ; - làm đồ dùng của học sinh tiểu học
MT124. Trẻ biết nói lên ý tưởng, tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.
MT125. Trẻ phối hợp các kỹ năng	- Vẽ và tô màu đồ chơi trong trường MN

vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	- Vẽ và tô màu cô giáo. - Vẽ và tô màu chân dung bé. - Vẽ chân dung người thân trong gia đình. - Vẽ cái nồi/ xoong. - Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông. - Vẽ trang trí cái cốc. - Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo. - Vẽ con gà trống. - Vẽ tàu thuyền trên biển. - Vẽ cảnh biển. - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích. - Vẽ cảnh quê hương em. - Vẽ vườn hoa lăng Bác. - Vẽ đồ dùng học sinh lớp 1. - Vẽ, tô màu trường tiểu học
MT126. Phối hợp các kỹ năng: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản, cắt xé, dán để tạo thành bức tranh có bố cục cân đối.	- Xé dán vườn cây ăn quả. - Xé dán đàn cá bơi. - Xé dán cột đèn hiệu giao thông. - Xé dán mây - Cắt dán áo bạn trai, bạn gái; - Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học; - Cắt dán hình ảnh một số nghề; - Cắt dán động vật sống trong rừng; - Cắt dán ô tô.
MT127. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm.	- Nặn đồ dùng trong gia đình. - Nặn mâm ngũ quả - Nặn các con vật - Nặn dụng cụ, sản phẩm của các nghề. - Nặn quà tặng bà, tặng mẹ... - Nặn cái bát. - Nặn cái ấm - Nặn cái lọ. - Nặn thú rừng - Nặn cái ô. - Nặn cái phao bơi.
MT128. Phối hợp các kỹ năng xếp hình tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	+ Xếp các hình tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối..
MT129. Thể hiện được một số điều hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	+ Thể hiện tình cảm trong các bài hát, sản phẩm tạo hình.
MT130. Biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	+ Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
Mục tiêu giáo dục tăng cường	
MT131. Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn,	- Trẻ thực hiện bật, tắt các thiết bị công nghệ - Sử dụng điều khiển chuột máy tính chơi các trò chơi

đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính...	trên máy
MT132 . <i>Ngoại ngữ</i> : Tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh.	- Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ
MT133 . <i>Múa</i> . Trẻ thực hiện được 2 - 3 bài múa	- Trẻ thực hiện thành thạo các tư thế tay, chân - Trẻ múa thành thạo các bài múa